

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM
 - Mã chứng khoán: HID
 - Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
 - Điện thoại liên hệ: 024 3562 4709
 - Email: info@halcom.vn
- Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính riêng Quý 2 năm tài chính 2023.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/10/2023 tại đường dẫn <https://halcom.vn/category/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:
Báo cáo tài chính riêng Quý 2 năm tài chính 2023.

NGƯỜI ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Đỗ Kim Hoàn



HALCOM

CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

QUÝ II NĂM TÀI CHÍNH 2023

HÀ NỘI, THÁNG 10 NĂM 2023



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Chúng tôi, các thành viên Ban Điều hành Công ty CP Halcom Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của Ban Điều hành cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2023 đến ngày 30/09/2023.

Ban Điều hành

Các thành viên Ban Điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2023 đến ngày 30/09/2023 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Quang Huân

Chủ tịch

Ông Nguyễn Việt Dũng

Phó chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 19/09/2022)

Ông Nguyễn Văn Lâm

Thành viên

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,

CÔNG TY CP HALCOM VIỆT NAM



Nguyễn Quang Huân

Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/09/2023	01/04/2023
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		317,972,604,810	269,640,459,423
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		72,631,536,391	611,023,437
1 Tiền	111	5	72,631,536,391	611,023,437
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		241,218,428,046	265,247,498,773
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	49,740,525,374	60,181,835,304
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	156,272,339,674	176,019,085,913
3 Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	-	13,594,085
4 Phải thu ngắn hạn khác	136	10	35,541,946,888	29,369,367,361
5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(336,383,890)	(336,383,890)
IV Hàng tồn kho	140	12	3,624,824,774	3,352,297,796
1 Hàng tồn kho	141		3,624,824,774	3,352,297,796
V Tài sản ngắn hạn khác	150		497,815,599	429,639,417
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	104,297,617	112,839,922
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		76,718,487	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	316,799,495	316,799,495
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		566,729,191,485	630,032,289,675
I Các khoản phải thu dài hạn	210		40,423,041,505	40,423,041,505
1 Phải thu dài hạn khác	216	10	40,423,041,505	40,423,041,505
II Tài sản cố định	220		2,539,515,605	2,771,497,181
1 Tài sản cố định hữu hình	221	14	2,539,515,605	2,771,497,181
- Nguyên giá	222		6,320,518,961	6,320,518,961
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3,781,003,356)	(3,549,021,780)
IV Tài sản dở dang dài hạn	240	15	56,243,787,778	53,380,450,214
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		56,243,787,778	53,380,450,214
V Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	467,011,803,683	532,698,210,280
1 Đầu tư vào công ty con	251		357,700,750,000	357,700,750,000
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		107,863,207,547	165,797,460,280
3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		12,350,000,000	9,200,000,000
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(10,902,153,864)	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		511,042,914	759,090,495
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	13	511,042,914	759,090,495
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		884,701,796,295	899,672,749,098

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2023	01/04/2023
C NỢ PHẢI TRẢ	300		107,182,706,822	116,096,400,140
I Nợ ngắn hạn	310		107,182,706,822	113,096,400,140
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	11,934,875,913	22,806,723,108
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	2,028,004,774	1,979,370,694
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	931,427,350	1,156,393,214
4 Phải trả người lao động	314		5,334,288,567	3,536,131,942
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	1,002,975,965	1,002,975,965
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	20	3,483,725,461	3,448,059,445
7 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	82,385,947,311	79,085,284,291
8 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		81,461,481	81,461,481
II Nợ dài hạn	330		-	3,000,000,000
1 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	-	3,000,000,000
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		777,519,089,473	783,576,348,958
I Vốn chủ sở hữu	410	22	777,519,089,473	783,576,348,958
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		767,650,320,000	767,650,320,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		767,650,320,000	767,650,320,000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		536,587,297	536,587,297
3 Cổ phiếu quỹ	415		(58,859,397)	(58,859,397)
4 Quỹ đầu tư phát triển	418		2,040,795,104	2,040,795,104
5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7,350,246,469	13,407,505,954
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		13,407,505,954	26,214,772,094
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(6,057,259,485)	(12,807,266,140)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		884,701,796,295	899,672,749,098

Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2023

CÔNG TY CP HALCOM VIỆT NAM

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Tô Thị Minh

Trần Thị Lan



Chịu trách nhiệm

Nguyễn Quang Huân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2023 đến ngày 30/09/2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II/2023		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Từ 01/07/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/07/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	51,805,177,041	54,603,772,061	103,362,235,432	80,638,743,163
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		51,805,177,041	54,603,772,061	103,362,235,432	80,638,743,163
4 Giá vốn hàng bán	11	25	51,003,875,387	53,311,958,783	100,471,509,017	77,057,905,603
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		801,301,654	1,291,813,278	2,890,726,415	3,580,837,560
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	14,498,907,832	167,383,051	14,499,236,970	329,467,306
7 Chi phí tài chính	22	27	13,015,853,335	1,499,531,563	15,191,939,134	2,531,549,345
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,790,171,971	1,315,235,056	3,602,250,270	2,175,631,889
8 Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		4,171,124,460	4,078,867,072	8,288,972,387	7,780,060,793
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		(1,886,768,309)	(4,119,202,306)	(6,090,948,136)	(6,401,305,272)
11 Thu nhập khác	31		-	10,000	47,345,457	10,000
12 Chi phí khác	32		-	(121,589,618)	13,656,806	335,857,239
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	121,599,618	33,688,651	(335,847,239)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(1,886,768,309)	(3,997,602,688)	(6,057,259,485)	(6,737,152,511)
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	-	-	-	-
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(1,886,768,309)	(3,997,602,688)	(6,057,259,485)	(6,737,152,511)
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-	-	-

Người lập biểu



Tô Thị Minh

Kế toán trưởng



Trần Thị Lan

Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2023

CÔNG TY CP HALCOM VIỆT NAM

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Quang Huân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2023 đến ngày 30/09/2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu 2023	
			Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(6,057,259,485)	(6,737,152,511)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCD và Bất động sản đầu tư	02		231,981,576	231,981,576
- Các khoản dự phòng	03		10,902,153,864	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(14,499,236,583)	(329,467,306)
- Chi phí lãi vay	06		3,602,250,270	2,175,631,889
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu	08		(5,820,110,358)	(4,659,006,352)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		23,938,758,155	(194,961,713,105)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(272,526,978)	(399,380,092)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(9,214,356,338)	5,431,321,372
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		256,589,886	205,340,788
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3,602,250,270)	(2,149,740,807)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(778,808,562)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(54,266,900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5,286,104,097	(197,366,253,658)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD và các tài sản dài hạn khác	21		(2,863,337,564)	(5,648,208,157)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(4,087,867,055)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		13,594,085	16,574,160,000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3,150,000,000)	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		72,432,750,000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		739,316	113,883,547
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		66,433,745,837	6,951,968,335
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	180,000,000,000
2. Tiền thu từ đi vay	33		100,190,530,118	68,888,308,726
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(99,889,867,098)	(56,159,875,128)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		300,663,020	192,728,433,598
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		72,020,512,954	2,314,148,275
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		611,023,437	732,685,203
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.1.	72,631,536,391	3,046,833,478

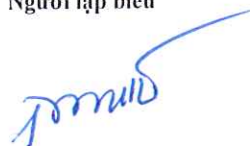
Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2023

CÔNG TY CP HALCOM VIỆT NAM

Chủ tịch HĐQT

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Tô Thị Minh

Trần Thị Lan

Nguyễn Quang Huân

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Halcom Việt Nam (đổi tên từ Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long, sau đây gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty TNHH Phát triển hạ tầng Thăng Long, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101143879 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/07/2001. Công ty được chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký Công ty cổ phần cấp lần đầu ngày 02/07/2007. Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 22 ngày 18/10/2023.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 767.650.320.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi bảy tỷ, sáu trăm năm mươi triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng Việt Nam).

Công ty chính thức giao dịch trên sàn HOSE kể từ ngày 11/07/2016 với mã HID.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và cung cấp dịch vụ tư vấn.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Buôn bán vật liệu, thiết bị trong xây dựng (thép, xi măng, bu lông, ống hộp...); Buôn bán vật tư, thiết bị cấp, thoát nước, phục vụ môi trường; Tư vấn quản lý giám sát trong xây dựng, hoạt động kiến trúc và tư vấn liên quan; Đầu tư dự án;

- Các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 22 ngày 18/10/2023./.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

- *Danh sách các Công ty con:*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
- Công ty CP Phát triển đô thị Cần Thơ (1)	Ninh Kiều, Cần Thơ	Xây dựng	83,33%	100%	100%
- Công ty CP Nước Halcom - Nhon Hội	Phù Cát, Bình Định	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	78,85%	78,85%	78,85%

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
- Công ty CP Phong điện Miền Trung	Quy Nhơn, Bình Định	Sản xuất điện	51%	51%	51%
- Công ty CP VSED	Thanh Xuân, Hà Nội	Thăm tra, thiết kế, tư vấn, giám sát	60%	60%	60%
- Công ty CP Điện gió Halcom - Quảng Bình (2)	Đồng Hới, Quảng Bình	Sản xuất điện	0%	96,15%	0%
- Công ty CP Điện mặt trời Halcom - Hậu Giang (3)	Phụng Hiệp, Hậu Giang	Sản xuất điện	0%	98%	0%

(1): Công ty CP Phát triển đô thị Cần Thơ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801610432 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp lần đầu ngày 06/08/2018 với số vốn điều lệ: 150 tỷ đồng. Theo thỏa thuận hợp tác ngày 06/02/2018 giữa Công ty CP Halcom Việt Nam và Công ty TNHH MTV Đầu tư SCIC, hai bên hợp tác, liên doanh đầu tư xây dựng "Dự án nâng cấp, cải tạo Đường tỉnh 923 (đoạn km11+120-km25+380) trên địa bàn huyện Phong Điền, Ô Môn, thành phố Cần Thơ và thành lập doanh nghiệp dự án với tên gọi Công ty CP Phát triển đô thị Cần Thơ. Trong đó, Halcom góp 61% vốn điều lệ, SIC góp khoảng 27% vốn điều lệ, còn lại phân phối cho một số đối tác khác. Theo Quyết định số 21-2018/NQ-HĐQT ngày 31/07/2018 của Hội đồng quản trị Công ty CP Halcom Việt Nam, Công ty sẽ góp 96% vốn điều lệ tương ứng 144 tỷ đồng để thành lập Công ty CP Phát triển đô thị Cần Thơ. Tuy nhiên, đến thời điểm 30/09/2023 mới chỉ có Công ty CP Halcom Việt Nam góp vốn với giá trị 125 tỷ đồng, các cá nhân và tổ chức khác chưa thực hiện việc góp vốn.

(2): Công ty CP Điện gió Halcom - Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3101106872 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 20/09/2021 với số vốn điều lệ: 130 tỷ đồng. Trong đó, Halcom góp 96,15%, Ông Vũ Mạnh Tuấn góp 3,08% và Ông Hoàng Quốc Anh góp 0,77% vốn điều lệ. Theo Nghị quyết số 20-2021/NQ-HĐQT/HALCOM ngày 13/07/2021 của Hội đồng quản trị Công ty CP Halcom Việt Nam, Công ty sẽ góp 96,15% vốn điều lệ tương ứng 125 tỷ đồng để thành lập Công ty CP Điện gió Halcom - Quảng Bình. Tuy nhiên, đến thời điểm 30/09/2023, chưa có cổ đông nào thực hiện góp vốn.

(3): Công ty CP Điện mặt trời Halcom - Hậu Giang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300346708 ngày 08/09/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 08/09/2021 với số vốn điều lệ: 100 tỷ đồng. Trong đó, Halcom góp 98%, Ông Nguyễn Việt Dũng góp 1% và Ông Phùng Ngọc Sơn góp 1% vốn điều lệ. Theo Nghị quyết số 24-2021/NQ-HĐQT/HALCOM ngày 30/08/2021 của Hội đồng quản trị Công ty CP Halcom Việt Nam, Công ty sẽ góp 98% vốn điều lệ tương ứng 98 tỷ đồng để thành lập Công ty CP Điện mặt trời Halcom - Hậu Giang. Tuy nhiên, đến thời điểm 30/09/2023, chưa có cổ đông nào thực hiện góp vốn.

• **Danh sách Công ty liên kết:**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
- Công ty CP Nước Thuận Thành	Thuận Thành, Bắc Ninh	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	48,78%	48,78%	48,78%
- Công ty CP Hal Invest	Phù Cát, Bình Định	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	40,00%	40,00%	40,00%

1.6 Tổng số cán bộ nhân viên

Tại ngày 30/09/2023, Công ty có 33 cán bộ nhân viên (tại ngày 01/04/2023, có 32 cán bộ nhân viên).

1.7 Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty được lập đảm bảo tính so sánh.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc vào ngày 31/03 hàng năm. Riêng Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2023 đến 30/09/2023.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với các Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản giao dịch.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của các Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản giao dịch:

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của các Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản giao dịch.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của các Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản giao dịch.

4.2 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, phải thu từ cho vay và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính

sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư vào Công ty con và Công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trích lập như sau:

- + Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- + Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại Công ty con và Công ty liên kết. Căn cứ Báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế nhận vốn góp lập cùng thời điểm lập Báo cáo tài chính năm của Công ty, thực hiện xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính. Mức trích lập dự phòng của từng khoản đầu tư tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán của doanh nghiệp.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- + Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- + Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác. Căn cứ báo cáo tài chính riêng của tổ chức kinh tế nhận vốn góp lập cùng thời điểm lập báo cáo tài chính năm của Công ty, thực hiện xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư.



Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4.6 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình/dự án chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

4.7 Nguyên tắc ghi nhận và các phương pháp khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-

BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định <năm></i>	<i>Thời gian khấu hao</i>
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

4.8 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là của Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy điện gió Phú Yên, Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước khu kinh tế Nhơn Hội, Dự án cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 923m thuộc huyện Phong Điền và Quận Ô Môn - TP Cần Thơ và một số dự án khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

4.9 Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí bảo hiểm, chi phí thuê giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chi phí sửa chữa xe và các khoản chi phí trả trước khác.

- Chi phí trả trước dài hạn là chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ với thời hạn không quá 12 tháng đối với những chi phí được phân loại là ngắn hạn và từ trên 12 tháng đến 36 tháng đối với những chi phí được phân loại là dài hạn.

- Các khoản chi phí trả trước khác: Các chi phí này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng đối với những chi phí được phân loại là ngắn hạn và từ trên 12 tháng đến 36 tháng đối với những chi phí được phân loại là dài hạn hoặc được phân bổ theo thời gian quy định trên hợp đồng.

4.10 Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác.



Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

4.11 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

4.12 Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

4.13 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả ngắn hạn là chi phí nhân công của các dự án Trung tâm Nước và trích trước chi phí lãi vay.

Chi phí nhân công được ghi nhận dựa trên bảng dự toán công việc, bảng dự toán chi phí.

Chi phí lãi vay được xác định dựa vào hợp đồng, khế ước vay, lãi suất và thời gian vay thực tế.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

4.14 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu được Công ty mua lại cổ phiếu do chính Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.15 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty là doanh thu từ kinh doanh, thương mại, doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn, thiết kế, giám sát và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi



Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.16 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng sản phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

Giá vốn cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

4.17 Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay và các chi phí tài chính khác.

4.18 Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.19 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

4.20 Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại Văn phòng Công ty.

Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

HAL
T
IAL
S.D.N.

5. TIỀN	30/09/2023		01/04/2023	
	VND		VND	
Tiền mặt	19,917,428		11,564,358	
Tiền gửi ngân hàng	72,611,618,963		599,459,079	
Cộng	72,631,536,391		611,023,437	

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (PHỤ LỤC 01)

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/09/2023		01/04/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Công ty TNHH Nội thất An Thuận Phát	7,035,460,738	-	25,043,993,480	-
Công ty CP ĐTC COM	9,770,883,047	-	10,370,751,047	-
BQLDA thực hiện DA hợp phần phát triển toàn diện kinh tế xã hội đô thị Hưng Yên	1,266,967,986	-	1,266,967,986	-
Công ty CP Xây lắp và Kinh doanh vật tư thiết bị Hồng Hà	6,851,233,523	-	6,851,233,523	-
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Phát triển Hùng Dũng	1,072,014,146	-	2,672,014,146	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trịnh Điện	6,726,005,967	-	5,997,350,463	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Quốc tế Trịnh Gia	1,048,149,469	-	4,088,662,119	-
Công ty CP ALPHANAM E&C	8,009,686,125	-	-	-
Công ty CP Xây lắp Đại Lâm Mộc	4,019,261,833	-	-	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	3,940,862,540	(336,383,890)	3,890,862,540	(336,383,890)
Cộng	49,740,525,374	(336,383,890)	60,181,835,304	(336,383,890)

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 30.

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/09/2023		01/04/2023	
	VND		VND	
Ngắn hạn				
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng Tân Thành An (1)	142,917,179,164		161,814,651,163	
Công ty CP Gia Tuấn Hưng Yên (2)	13,000,000,000		13,000,000,000	
Các đối tượng khác	355,160,510		1,204,434,750	
Cộng	156,272,339,674		176,019,085,913	

(1): Là khoản ứng trước cho người bán theo hợp đồng số 175/2022/HAL-TTA ký ngày 17/05/2022 về việc thi công xây dựng dự án "Hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nhơn Hội".

(2): Là khoản ứng trước cho người bán theo hợp đồng số 2023.03.16 ký ngày 16/03/2023 về việc "Cung cấp dịch vụ phát triển dự án điện gió tại Quảng Bình".

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30/09/2023		01/04/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Công ty CP Nước Thuận Thành	-	-	13,594,085	-
Cộng	-	-	13,594,085	-

b) Phải thu cho vay là các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 30.*

10. PHẢI THU KHÁC

	30/09/2023		01/04/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	35,541,946,888	-	29,369,367,361	-
<i>Phải thu khác</i>	<i>35,159,093,338</i>	<i>-</i>	<i>28,774,093,338</i>	<i>-</i>
Công ty CP Đầu tư TPP Việt Nam (1)	7,490,000,000	-	28,640,000,000	-
Ông Nguyễn Quang Hưng	27,535,000,000	-	-	-
Đối tượng khác	134,093,338	-	134,093,338	-
<i>Tạm ứng</i>	<i>364,853,550</i>	<i>-</i>	<i>577,274,023</i>	<i>-</i>
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	143,921,820	-	416,217,204	-
Bà Trần Thị Minh Huệ	-	-	42,458,989	-
Đối tượng khác	220,931,730	-	118,597,830	-
<i>Ký cược, ký quỹ</i>	<i>18,000,000</i>	<i>-</i>	<i>18,000,000</i>	<i>-</i>
Chi nhánh Công ty TNHH LAVIE tại Hà Nội	3,000,000	-	3,000,000	-
Công ty CP Mai Linh Đông Đô	5,000,000	-	5,000,000	-
Chi nhánh Công ty CP Mai Linh tại Hà Nội	10,000,000	-	10,000,000	-
b) Dài hạn	40,423,041,505	-	40,423,041,505	-
<i>Phải thu khác</i>	<i>40,000,000,000</i>	<i>-</i>	<i>40,000,000,000</i>	<i>-</i>
Công ty CP An Lạc Sơn (2)	40,000,000,000	-	40,000,000,000	-
<i>Ký cược, ký quỹ</i>	<i>423,041,505</i>	<i>-</i>	<i>423,041,505</i>	<i>-</i>
Công ty TNHH GRAB	5,000,000	-	5,000,000	-
Công ty CP Tư vấn - Quản lý bất động sản V.E.T	58,640,505	-	58,640,505	-
Công ty TNHH Hòa Bình	359,401,000	-	359,401,000	-
Cộng	75,964,988,393	-	69,792,408,866	-

c) Phải thu khác là các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 30.*

(1): Theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 03/2015/HĐKT ngày 10/06/2015:

- Tên Dự án và địa điểm xây dựng: Dự án giao thông và xử lý nước thải theo hình thức PPP tại thành phố Cần Thơ
- Chủ đầu tư: Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long (nay là Công ty CP Halcom Việt Nam)

- Quy mô dự án:

+ Dự án Đường và cầu qua Cù lao Tân Lộc: Tổng chiều dài 4.04 km

+ Dự án đường tỉnh lộ 923: Tổng chiều dài 14.353 km

+ Dự án xây dựng nhà máy xử lý nước thải quận Ô Môn: Công suất 10.000 m3/ngày

+ Dự án xây dựng nhà máy xử lý nước thải quận Thốt Nốt: Công suất 10.000 m3/ngày

- Tổng mức đầu tư dự án: 3.900.000.000.000 đồng

- Thời gian hợp tác 3 năm từ tính từ tháng 3 năm 2015

- Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/03/2023: Theo biên bản làm việc ngày 03/06/2020, do Chính phủ chưa ban hành quy định về việc sử dụng tài công để thanh toán cho các nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo hình thức BT theo công văn số 2379/SGTVT-KHTC ngày 03/12/2018 của Sở Giao Thông Vận Tải Thành Phố Cần Thơ, hai bên thống nhất không tiếp tục hợp đồng hợp tác đầu tư số 03/2015/HĐKT ký ngày 10/06/2015. Công ty CP Đầu tư TPP Việt Nam có trách nhiệm hoàn trả lại toàn bộ số tiền mà Công ty CP Halcom Việt Nam đã chuyển sang Công ty CP Đầu tư TPP Việt Nam là: 60.000.000.000 đồng, trước ngày 31/05/2021, để Công ty CP Halcom Việt Nam thực hiện dự án đầu tư xây dựng khác. Theo biên bản làm việc ngày 10/06/2021, Công ty CP Halcom Việt Nam đồng ý gia hạn thời gian hoàn trả số tiền còn lại đến ngày 30/06/2022. Công ty CP Đầu tư TPP Việt Nam cam kết tự nguyện chi trả số tiền lãi suất theo quy định của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam tính từ ngày 01/07/2021 đến thời điểm chi trả số tiền gốc nêu trên và không chậm hơn ngày 30/06/2022.

- Ngày 09/01/2023, Công ty CP Đầu tư TPP Việt Nam có Công văn số 02/2023/CV-TPP về việc gia hạn thời gian hoàn trả khoản tiền hợp tác đầu tư. Theo đó, do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid-19, tiến độ làm việc với các nhà thầu để thu hồi tiền bị chậm trễ và Công ty đang đề xuất với Ủy ban Nhân dân TP. Cần Thơ về các chính sách cho dự án đầu tư theo hình thức PPP nên làm ảnh hưởng tới cam kết hoàn trả khoản tiền góp đầu tư. Khoản tiền còn lại được Công ty cam kết thanh toán dần cho đúng hạn đến ngày 30/04/2024.

(2): Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2019/HĐHT/HAL-ALS ngày 14/05/2019:

- Tên Dự án và địa điểm xây dựng: Dự án đầu tư Xây dựng Trung tâm dịch vụ chăm sóc sức khỏe người lao động tại Thôn Tân Long, Xã Hồ Sơn, Huyện Tam Đáo, Tỉnh Vĩnh Phúc.

- Chủ đầu tư: Công ty CP Halcom Việt Nam

- Quy mô dự án: Cung cấp dịch vụ chăm sóc tốt nhất cho khách hàng

- Tổng mức đầu tư dự án: 200.000.000.000 đồng

- Vốn tự có: 30 tỷ đồng, vốn huy động khác: 170 tỷ đồng.

- Bên được ủy quyền hợp tác đầu tư: Công ty CP An Lạc Sơn

- Diện tích đất sử dụng: 4.020 m2

- Thời gian hợp tác 20 năm kể từ ngày Hai bên ký hợp đồng hoặc đến khi hai bên có thỏa thuận khác.

- Công ty góp vốn bằng tiền để xây dựng dự án với giá trị: 20 tỷ đồng và Công ty CP An Lạc Sơn góp: 10 tỷ đồng, tiến độ góp vốn từ tháng 5/2019 đến tháng 12/2019. Ngoài ra, giá trị tài sản dự án mà Công ty góp là: 20 tỷ đồng bao gồm toàn bộ chi phí giải phóng mặt bằng, các quyền và lợi thế sử dụng khu đất, quyền sử dụng đất, chi phí hoàn thiện toàn bộ hồ sơ pháp lý của Khu đất và dự án, tiền sử dụng đất/tiền thuê đất và phần còn lại của tiền chi phí xây dựng Dự án theo thực tế quyết toán công trình sau khi đã trừ đi khoản tiền Công ty CP An Lạc Sơn góp. Đến thời điểm 30/09/2023, Công ty đã chuyển giao toàn bộ dự án cho Công ty CP An Lạc Sơn với giá trị 20 tỷ đồng.

11. NỢ XẤU

30/09/2023		01/04/2023	
Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
VND	VND	VND	VND

Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi

Phải thu khách hàng

Ban QLDA Đầu tư xây dựng khu tái định cư Gia Minh	18,589,032	-	18,589,032
---	------------	---	------------

Ban QLDA Cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường TP. Hải Phòng	185,326,239	-	185,326,239	-
Ban Quản lý Dự án Lưới điện	48,361,364	-	48,361,364	-
BQLDA Năng lượng nông thôn II Phú Thọ	14,603,000	-	14,603,000	-
Ban QLDA Năng lượng nông thôn II Thanh Hoá	45,000,000	-	45,000,000	-
Điện Lực Vĩnh Phúc - Công ty Điện lực I	3,904,255	-	3,904,255	-
Ban Quản lý dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển bền vững TP Lào Cai	20,600,000	-	20,600,000	-
Cộng	336,383,890	-	336,383,890	-

12. HÀNG TỒN KHO

	30/09/2023		01/04/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	3,624,824,774	-	3,352,297,796	-
Cộng	3,624,824,774	-	3,352,297,796	-

(*): bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các dự án: HD43/2013-Lập thiết kế bản vẽ TC và TDT dự toán chi tiết hạ tầng KT dự án khu ĐTM phía Nam TP Bắc Giang; Khảo sát KTXH, cam kết đầu nối nước thải Hà Đông, Sơn Tây-HD số 12/TV/HD-ST Ngày 26.12.2011; TVGS_Phat triển thành phố Xanh loại II - Gói thầu số 21 Tin dụng No.3590-VIE, HD số HU-CS01 và các công trình khác ...

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/09/2023	01/04/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	104,297,617	112,839,922
Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	-	53,394,632
Chi phí bảo hiểm	32,744,142	-
Chi phí thuê giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuê văn phòng	38,960,000	31,140,000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	32,593,475	28,305,290
b) Dài hạn	511,042,914	759,090,495
Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	29,819,883	48,699,345
Chi phí đào tạo cho Viện Malik	447,439,879	708,142,345
Chi phí trả trước dài hạn khác	33,783,152	2,248,805
Cộng	615,340,531	871,930,417

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/04/2023	6,182,389,090	138,129,871	6,320,518,961
Số dư ngày 30/09/2023	6,182,389,090	138,129,871	6,320,518,961
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/04/2023	3,428,256,230	120,765,550	3,549,021,780

Khấu hao trong kỳ	226,573,998	5,407,578	231,981,576
Số dư ngày 30/09/2023	3,654,830,228	126,173,128	3,781,003,356
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/04/2023	2,754,132,860	17,364,321	2,771,497,181
Tại ngày 30/09/2023	2,527,558,862	11,956,743	2,539,515,605

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng: 1.756.593.506 VND.

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 2.527.558.862 VND.

15. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN

	30/09/2023	01/04/2023
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy điện gió Phú Yên (1)	2,467,333,145	2,440,417,685
Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước khu kinh tế Nhơn Hội (2)	32,528,440,689	31,296,499,598
Dự án Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 923m thuộc huyện Phong Điền và Quận Ô Môn - TP Cần Thơ (3)	6,383,048,008	6,383,048,008
Dự án Phương Mai 3 - Resort (4)	6,593,643,363	6,567,377,358
Dự án ĐTXD nhà máy điện gió ngoài khơi Lệ Thủy - Quảng Bình I (5)	2,283,071,947	2,237,730,373
Các dự án khác	5,988,250,626	4,455,377,192
Cộng	56,243,787,778	53,380,450,214

(1): Dự án khảo sát, thiết kế, lắp đặt cột đo gió, quan trắc gió phục vụ nghiên cứu dự án điện gió Đồng Xuân - Phú Yên. Thời gian thực hiện từ ngày 01/05/2019.

(2): Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước khu kinh tế Nhơn Hội, mục tiêu: đầu tư, xây dựng và kinh doanh hệ thống cấp nước ngọt với tổng công suất 100.000 m3/ngày đêm, được xây dựng theo 3 giai đoạn: giai đoạn 1 (từ năm 2018 đến năm 2020): công suất 25.000 m3/ngày đêm; giai đoạn 2 (từ năm 2020 đến năm 2025): nâng công suất thành 50.000 m3/ngày đêm và giai đoạn 3 (từ năm 2025 trở đi): nâng công suất thành 100.000 m3/ngày đêm. Thời gian hoạt động của dự án là 50 năm. Ngày 24/06/2019, Công ty có văn bản số 38/2019/CV-TGD/Halcom đề xuất điều chỉnh quy mô GĐI từ 25.000 m3 xuống 10.000 m3. Theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐQT/Halcom ngày 15/03/2023, Hội đồng quản trị của Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ dự án sang cho Công ty CP Nước Halcom - Nhơn Hội với giá trị chuyển nhượng không thấp hơn 80 tỷ và hình thức chuyển nhượng là chuyển nhượng toàn bộ dự án theo nguyên trạng.

(3): Dự án Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 923m thuộc huyện Phong Điền và Quận Ô Môn - TP Cần Thơ: Tổng vốn đầu tư 1.057,15 tỷ, với diện tích 33,607 ha. Vốn đầu tư của Nhà nước là 158,09 tỷ, loại hợp đồng BT, thời gian dự kiến thi công là trong 24 tháng. Tuy nhiên, dự án đang tạm dừng do chờ Chính phủ ban hành quy định về việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo hình thức BT theo Công văn số 2379/SGTVT-KHTC ngày 03/12/2018 của Sở Giao thông vận tải TP. Cần Thơ.

(4): Dự án Khu nghỉ dưỡng Phương Mai 3 thuộc địa bàn xã Cát Tiến và Cát Chánh, Huyện Phù Cát tỉnh bình định có diện tích 122 ha. Phê duyệt quy hoạch dự án: Q4/2022, Quyết định chủ trương đầu tư: Q1/2023, khởi công Q3/2023, hoàn thành Q3/2025. Tổng mức đầu tư 5.500 tỷ đồng.

(5): Dự án ĐTXD nhà máy điện gió ngoài khơi Lệ Thủy - Quảng Bình I: Công suất 200 MWh, thuộc Xã Ngư thủy, huyện Lệ thủy tỉnh Quảng Bình. Năm 2019, UBND Tỉnh Quảng Bình cấp chủ trương cho Halcom khảo sát tiềm năng điện gió gần bờ tại Quảng Bình tại văn bản số 3525/VPUBND-KT của UBND Tỉnh Quảng Bình ngày 26 tháng 9 năm 2019. Dự án có tổng mức đầu tư dự kiến là 5.000 tỷ đồng.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/09/2023		01/04/2023	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Công ty CP Cơ khí và Công nghiệp Ánh Dương	884,572,538	884,572,538	884,572,538	884,572,538
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Phát triển Hùng Dũng	6,636,873,980	6,636,873,980	-	-
Công ty CP Địa ốc MOMOTA	1,304,378,267	1,304,378,267	-	-
Công ty CP Đầu tư thương mại Nguyễn Hữu	1,179,835	1,179,835	8,120,343,550	8,120,343,550
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Quốc tế Huy Phúc	-	-	7,621,047,362	7,621,047,362
Công ty CP Xây dựng và Dịch vụ Hưng Thái	378,514,096	378,514,096	4,230,314,096	4,230,314,096
Các đối tượng khác	2,729,357,197	2,729,357,197	1,950,445,562	1,950,445,562
Cộng	11,934,875,913	11,934,875,913	22,806,723,108	22,806,723,108

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 30.

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/09/2023	01/04/2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
BQLDA Đầu tư xây dựng chương trình phát triển các đô thị loại II	347,246,927	355,351,727
BQLDA Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị	827,879,000	827,879,000
Ban QLDA PT tổng hợp các đô thị động lực - TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương	392,749,422	392,749,422
Bộ Nông Lâm Nghiệp Lào	403,390,545	403,390,545
BQL DA Lưới điện Hà Nội - Tổng Công ty Điện lực TP. Hà Nội	56,738,880	-
Cộng	2,028,004,774	1,979,370,694

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Khoản mục	01/04/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/09/2023
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra	657,206,884	144,583,599	249,332,028	552,458,455
Thuế thu nhập cá nhân	483,304,871	423,446,819	543,534,254	363,217,436
Các loại thuế khác	15,881,459	-	130,000	15,751,459
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Cộng	1,156,393,214	568,030,418	792,996,282	931,427,350
b) Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	316,799,495	-	-	316,799,495
Cộng	316,799,495	-	-	316,799,495

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/09/2023	01/04/2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
Các dự án Trung tâm Nước	967,449,649	967,449,649
Chi phí lãi vay	35,526,316	35,526,316
Cộng	1,002,975,965	1,002,975,965

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/09/2023	01/04/2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	99,909,547	136,025,255
Bảo hiểm xã hội	313,819,473	308,376,973
Các khoản phải trả khác	3,069,996,441	3,003,657,217
<i>Cổ tức phải trả các cổ đông</i>	<i>44,621,700</i>	<i>44,621,700</i>
<i>Cục Thuế TP Hà Nội (*)</i>	<i>2,606,172,462</i>	<i>2,606,172,462</i>
<i>Bà Trần Thị Minh Huệ</i>	<i>247,700,000</i>	<i>271,671,323</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>171,502,279</i>	<i>81,191,732</i>
Cộng	3,483,725,461	3,448,059,445

(*) Đây là khoản thuế giá trị gia tăng đã được Cục thuế Thành phố Hà Nội chấp nhận không tính tiền chậm nộp theo Công văn số 69598/TB-CT-QLN ngày 05/09/2019. Khoản thuế này sẽ được Công ty thực hiện nghĩa vụ nộp vào Ngân sách Nhà nước ngay sau khi Công ty nhận được khoản thanh toán từ các đơn vị sử dụng vốn Ngân sách Nhà nước (BQL dự án đầu tư xây dựng Tỉnh Lạng Sơn, BQL dự án phát triển toàn diện kinh tế - xã hội TP. Việt Trì và BQL dự án đầu tư xây dựng TP. Hưng Yên).

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (PHỤ LỤC 02)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (PHỤ LỤC 03)

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/09/2023	01/04/2023
Ngoại tệ các loại		
Tiền USD	583.75	636.55
Tiền EUR	256.70	261.83

24. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022
	VND	VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa	100,379,708,522	77,056,742,498
Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn, thiết kế và giám sát	2,982,526,910	3,582,000,665
Cộng	103,362,235,432	80,638,743,163

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 35.

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	98,649,377,154	74,487,405,601
Giá vốn cung cấp dịch vụ tư vấn, thiết kế và giám sát	1,822,131,863	2,570,500,002
Cộng	100,471,509,017	77,057,905,603

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	739,703	329,467,306
Lãi bán khoản đầu tư vào Công ty CP Điện mặt trời VKT Hòa An	14,498,497,267	-
Cộng	14,499,236,970	329,467,306

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	3,602,250,270	2,175,631,889
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	10,902,153,864	-
Chi phí tài chính khác	687,535,000	355,917,456
Cộng	15,191,939,134	2,531,549,345

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022
	VND	VND
Tổng thu nhập phát sinh trong năm	117,908,817,859	80,968,220,469
<i>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>117,908,817,859</i>	<i>80,968,220,469</i>
<i>Thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Tổng chi phí phát sinh, trong đó:	123,966,077,344	87,705,372,980
<i>Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>123,805,846,538</i>	<i>87,222,941,741</i>
<i>Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>160,230,806</i>	<i>482,431,239</i>
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	(5,897,028,679)	(6,254,721,272)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

29. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022
	VND	VND
Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	100,190,530,118	68,888,308,726
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	99,889,867,098	56,159,875,128

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan trong năm:

	Mối quan hệ	Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022
		VND	VND
Mua hàng hóa, dịch vụ		1,132,532,928	1,011,753,757
Công ty CP VSED	Công ty con	137,760,000	705,440,741
Công ty CP Phong điện Miền Trung	Công ty con	296,095,890	-
Bà Vũ Thị Minh Hằng	Người liên quan	96,600,000	96,600,000
Ông Nguyễn Tiến Hân	Người liên quan	52,133,334	50,068,016
Bà Lê Kim Anh	Người liên quan	549,943,704	159,645,000
Bán hàng hàng hóa, dịch vụ		275,252,523	277,777,776
Công ty CP Phong điện Miền Trung	Công ty con	275,252,523	277,777,776
Doanh thu tài chính		-	318,275,706
Công ty CP Phong điện Miền Trung	Công ty con	-	38,479,452
Công ty CP Nước Thuận Thành	Công ty liên kết	-	279,796,254
Chi phí tài chính		296,095,890	89,726,029
Công ty CP Phong điện Miền Trung	Công ty con	296,095,890	89,726,029

Số dư với các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/09/2023	01/04/2023
		VND	VND
Các khoản phải thu		126,013,000	89,607,085
Phải thu khách hàng		50,000,000	-
Công ty CP Phong điện Miền Trung	Công ty con	50,000,000	-
Phải thu khác		76,013,000	76,013,000
Công ty CP Phát triển đô thị Cần Thơ	Công ty con	27,058,000	27,058,000
Công ty CP Nước Halcom - Nhơn Hội	Công ty con	21,319,000	21,319,000
Công ty CP Hal Invest	Công ty liên kết	10,130,000	10,130,000
Công ty CP Điện gió Halcom - Quảng Bình	Công ty con	8,753,000	8,753,000
Công ty CP Điện mặt trời Halcom - Hậu Giang	Công ty con	8,753,000	8,753,000
Phải thu về cho vay		-	13,594,085
Công ty CP Nước Thuận Thành	Công ty liên kết	-	13,594,085

		Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022
		VND	VND
Các khoản phải trả		5,022,232,877	11,584,794,521
<i>Phải trả nhà cung cấp</i>		<i>222,232,877</i>	<i>84,794,521</i>
Công ty CP Phong Điện Miền Trung	Công ty con	222,232,877	84,794,521
<i>Vay ngắn hạn</i>		<i>4,800,000,000</i>	<i>11,500,000,000</i>
Công ty CP Phong Điện Miền Trung	Công ty con	4,800,000,000	11,500,000,000
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và những người quản lý khác			
Thành viên Hội đồng quản trị		1,438,981,582	1,405,380,952
Ông Nguyễn Quang Huân		1,200,000,000	1,100,428,571
Ông Nguyễn Việt Dũng		238,981,582	304,952,381
Tổng Giám đốc		-	864,830,556
Ông Phạm Anh Đức		-	864,830,556
Thành viên Ban Kiểm soát		474,627,931	334,191,157
Ông Phan Đăng Hoàn		250,214,624	245,690,476
Bà Trần Bắc Mỹ		53,613,307	88,500,681
Ông Nguyễn Trường Giang		170,800,000	-
Những người quản lý khác		1,463,415,350	1,937,039,743
- Số người		10	14
- Tổng số tháng		53	64
- Tiền lương TB/người/tháng		27,611,610	30,266,246
Cộng		3,377,024,863	4,541,442,408

31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2023

CÔNG TY CP HALCOM VIỆT NAM

Người lập biểu



Tô Thị Minh

Kế toán trưởng



Trần Thị Lan

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Quang Huân

CÔNG TY CP HALCOM VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2023 đến ngày 30/09/2023

PHỤ LỤC 01: CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư tài chính dài hạn

	30/09/2023		01/04/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào công ty con	357,700,750,000	(10,902,153,864)	346,798,596,136	357,700,750,000
Công ty CP Phát triển đô thị Cần Thơ	125,000,000,000	-	125,000,000,000	125,000,000,000
Công ty CP Nước Halcom - Nhơn Hội	82,000,000,000	-	82,000,000,000	82,000,000,000
Công ty CP Phong điện Miền Trung	150,100,750,000	(10,902,153,864)	139,198,596,136	150,100,750,000
Công ty CP VSED	600,000,000	-	600,000,000	600,000,000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	107,863,207,547	-	107,863,207,547	165,797,460,280
Công ty CP Nước Thuận Thành	67,863,207,547	-	67,863,207,547	67,863,207,547
Công ty CP Điện mặt trời VKT - Hòa An	-	-	-	57,934,252,733
Công ty CP Hal Invest	40,000,000,000	-	40,000,000,000	40,000,000,000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12,350,000,000	-	12,350,000,000	9,200,000,000
Công ty CP ĐTC COM	9,200,000,000	-	9,200,000,000	9,200,000,000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển quốc tế Huy Phúc	3,150,000,000	-	3,150,000,000	-
Cộng	477,913,957,547	(10,902,153,864)	467,011,803,683	532,698,210,280

(*): Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định = giá gốc của khoản đầu tư - dự phòng tổn thất đầu tư tài chính đã trích lập.

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con trong kỳ:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1. Công ty CP Phát triển đô thị Cần Thơ	Số 178/26/7 đường 3/2, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ, Việt Nam	100%	100%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801610432 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp lần đầu ngày 06/08/2018. Vốn điều lệ: 150 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Xây dựng. Hiện nay Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

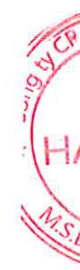
CÔNG TY CP HALCOM VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2023 đến ngày 30/09/2023

PHỤ LỤC 01: CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

STT	Mô tả	Đơn vị	Tỷ lệ đầu tư (%)	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Chi tiết
2.	Công ty CP Nước Halcom - Nhom Hội	Khu kinh tế Nhom Hội, thôn Phú Hậu, xã Cát Tiến, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định, Việt Nam	78,85%	78,85%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4101521292 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 07/08/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 21/07/2021. Vốn điều lệ: 84 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Hiện nay Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.
3.	Công ty CP Phong điện Miền Trung	Thôn Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định, Việt Nam	51%	51%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100656522 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 13/08/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 22/04/2022. Vốn điều lệ: 294,3 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
4.	Công ty CP VSED	Số 94, ngõ 126, đường Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam	60%	60%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107859387 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/05/2017, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 24/07/2017. Vốn điều lệ: 1 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Thẩm tra, thiết kế, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật, tư vấn giám sát thi công các dự án.
5.	Công ty CP Điện gió Halcom - Quảng Bình	20 đường Hoàng Cầm, tổ dân phố 10, Phường Nam Lý, TP. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam	0%	96,15%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3101106872 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 20/09/2021. Vốn điều lệ: 130 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa thực hiện góp vốn vào Công ty này.



PHỤ LỤC 01: CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty liên kết trong kỳ:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1. Công ty CP Nước Thuận Thành	Đông Côi, Thị trấn Hồ, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	48,78%	48,78%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300307123 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 12/07/2007, đăng ký thay đổi lần 13 ngày 29/03/2019. Vốn điều lệ: 143.282.780.000 đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
2. Công ty CP Hal Invest	Khu kinh tế Nhơn Hội, Khu phố Phú Hậu, Thị trấn Cát Tiên, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	40,00%	40,00%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4101589660 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 23/03/2021. Vốn điều lệ: 100 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

PHỤ LỤC 02: VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	30/09/2023		Trong kỳ		01/04/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	82,385,947,311	82,385,947,311	103,190,530,118	99,889,867,098	79,085,284,291	79,085,284,291
<i>Các khoản vay ngắn hạn</i>	<i>79,385,947,311</i>	<i>79,385,947,311</i>	<i>100,190,530,118</i>	<i>99,889,867,098</i>	<i>79,085,284,291</i>	<i>79,085,284,291</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy	67,385,947,311	67,385,947,311	99,340,530,118	89,039,867,098	57,085,284,291	57,085,284,291
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	-	-	3,000,000,000	3,000,000,000	3,000,000,000
Ông Nguyễn Hoàng Anh	1,000,000,000	1,000,000,000	-	-	1,000,000,000	1,000,000,000
Công ty CP Tập đoàn IPC	5,000,000,000	5,000,000,000	-	-	5,000,000,000	5,000,000,000
Công ty CP Phong Điện Miền Trung	4,800,000,000	4,800,000,000	850,000,000	7,550,000,000	11,500,000,000	11,500,000,000
Ông Võ Trục Điền	1,200,000,000	1,200,000,000	-	300,000,000	1,500,000,000	1,500,000,000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>3,000,000,000</i>	<i>3,000,000,000</i>	<i>3,000,000,000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Bà Nguyễn Kiều Linh	3,000,000,000	3,000,000,000	3,000,000,000	-	-	-
b) Vay dài hạn	-	-	-	3,000,000,000	3,000,000,000	3,000,000,000
<i>Các khoản vay dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>3,000,000,000</i>	<i>3,000,000,000</i>	<i>3,000,000,000</i>
Bà Nguyễn Kiều Linh	-	-	-	3,000,000,000	3,000,000,000	3,000,000,000
Cộng	82,385,947,311	82,385,947,311	103,190,530,118	102,889,867,098	82,085,284,291	82,085,284,291

c) Vay là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 30.

CÔNG TY CP HALCOM VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2023 đến ngày 30/09/2023**PHỤ LỤC 03: VỐN CHỦ SỞ HỮU**

d. Cổ phiếu	30/09/2023		01/04/2023	
	VND	VND	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	76,765,032	76,765,032		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	76,765,032	76,765,032		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	76,765,032	76,765,032		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	8,711	8,711		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8,711	8,711		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	76,756,321	76,756,321		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	76,756,321	76,756,321		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.				
e. Cổ tức				
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm kế toán:				
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: 1%				
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có				
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có				
f. Các quỹ của doanh nghiệp				
Khoản mục	Tăng trong kỳ		Giảm trong kỳ	
	VND	VND	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2,040,795,104	-	-	2,040,795,104
Cộng	2,040,795,104	-	-	2,040,795,104